



**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT
NGUYỄN HỮU CẢNH**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2022**



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2022

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA TRƯỜNG

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

1.1. Tên trường: **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh.**

1.2. Tên viết tắt: **Trường TC KT-KT Nguyễn Hữu Cảnh.**

Tên tiếng Anh: **Nguyen Huu Canh Technical - Economics College .**

Tên trường ứng với các giai đoạn:

- Từ năm 1987 đến năm 1997: **Trung tâm dạy nghề Nhà Bè.**

- Từ tháng 4/1997 đến tháng 8/1998: **Trung tâm dạy nghề Quận 7.**

- Từ tháng 8/1997 đến tháng 5/1999: **Trường Trung học nghề Nguyễn Hữu Cảnh.**

- Từ tháng 5/1999 đến tháng 8/2009: **Trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nguyễn Hữu Cảnh.**

- Từ tháng 8/2009 đến nay: **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh.**

1.3. Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Địa chỉ: 500-502 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Số điện thoại liên hệ: (+84) 028.38 730 194 - (+84) 028.37 731 184

- Số fax: (+84) 028.38 733 624

1.6. Website: <https://nhct.edu.vn/>; Email: nguyenhuucanh@nhct.edu.vn

1.7. Loại hình trường: Công lập Tư thục

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Lịch sử phát triển của Trường

- 1987: Thành lập Trung tâm dạy nghề Nhà Bè (theo Quyết định số 29/QĐ-UB ngày 11 tháng 3 năm 1987 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè).

- 1997: Trung tâm dạy nghề Nhà Bè được chuyển giao quản lý về Ủy ban nhân dân Quận 7 và đổi tên là Trung tâm dạy nghề Quận 7 (theo Thông báo số 677/TCCQ ngày 21 tháng 8 năm 1997 của Ban Tổ chức chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh).

- 1998: Trung tâm dạy nghề Quận 7 được nâng cấp lên thành Trường Trung học nghề Nguyễn Hữu Cảnh (theo Quyết định số 3630/QĐ-UB-NC ngày 10 tháng 7 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

- 1999: Trường Trung học nghề Nguyễn Hữu Cảnh được chuyển thành Trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nguyễn Hữu Cảnh (theo Quyết định số 2503/QĐ-UB-VX ngày 03 tháng 5 năm 1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

- 2009: Trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nguyễn Hữu Cảnh được đổi tên thành Trường **Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh** (theo Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Thành tích nổi bật của trường

2.2.1. Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp

*** Cấp Thành phố**

- Năm 2001: 01 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

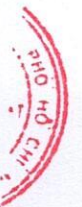
- Năm 2003: 01 giáo viên đạt giải **Xuất sắc** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Năm 2006: 01 giáo viên đạt giải **Nhì**, 01 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh tổ chức. 01 giáo viên đạt giải **Xuất sắc**, 01 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Năm 2009: 01 giáo viên đạt giải **Nhì**, 03 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Năm 2012: 02 giáo viên đạt giải **Nhì**, 01 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM tổ chức. 01 giáo viên đạt giải **Nhì**, 03 giáo viên được **công nhận giáo viên dạy giỏi** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Năm 2014: 05 giáo viên được **công nhận giáo viên dạy giỏi** (trong đó 01 giáo viên đạt giải **Nhì**, 01 giáo viên đạt giải **Ba**) trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi Trung cấp chuyên nghiệp cấp thành phố Lần thứ 8 - năm học 2013-2014 do Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh tổ chức.



- Năm 2016: 02 giáo viên đạt giải **Ba**, 02 giáo viên được **công nhận giáo viên dạy giỏi** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Năm 2017: 04 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Năm 2020: 01 giáo viên đạt giải khuyến khích trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Thành phố năm 2020.

*** Cấp Toàn quốc**

- Năm 2003: 01 giáo viên đạt giải **Nhì** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Toàn quốc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức.

- Năm 2006: 01 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Toàn quốc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức.

- Năm 2009: 01 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Năm 2012: 02 giáo viên đạt giải **Ba** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. 01 giáo viên đạt giải **Khuyến khích** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Toàn quốc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức.

- Năm 2015: 01 giáo viên đạt giải **Nhì** trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp Toàn quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

2.2.2. Học sinh tham gia hội thi giỏi nghề các cấp

- Năm 2012: Thi cấp Thành phố gồm: 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện công nghiệp.

- Năm 2013: Thi cấp Thành phố gồm: 05 giải: 01 giải **Nhất** nghề Điện lạnh; 01 giải **Nhì** nghề Điện lạnh; 01 giải **Nhì** nghề Thiết kế thời trang (05 học sinh/đội); 01 giải **Nhì** nghề Điện tử; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện tử.

- Năm 2014: Thi cấp Thành phố gồm: 08 giải: 01 giải **Nhì** nghề Cơ điện tử (02 học sinh/đội); 01 giải **Nhì** nghề Thiết kế thời trang (05 học sinh/đội); 01 giải **Khuyến khích** nghề Cơ điện tử (02 học sinh/đội); 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện công nghiệp; 02 giải **Khuyến khích** nghề Điện tử; 01 giải **Nhì** nghề Điện lạnh; 01 giải **Khuyến khích** nghề Hàn.

- Năm 2015: Thi cấp Thành phố gồm: 04 giải: 02 giải **Nhất** nghề Cơ điện tử; 01 giải **Khuyến khích** nghề Hàn; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện lạnh.

- Năm 2016: Thi cấp Thành phố gồm: 08 giải: 02 giải **Nhất** nghề Cơ điện tử; 02 giải **Nhất** nghề Thiết kế thời trang; 02 giải **Khuyến khích** nghề Cơ Điện tử; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện tử; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện công nghiệp.

- Năm 2017: Thi cấp Thành phố gồm: 09 giải: 02 giải **Nhất** nghề Cơ điện tử; 01 giải **Ba** nghề Điện lạnh; 02 giải **Khuyến khích** nghề Cơ Điện tử; 02 giải **Khuyến khích** nghề Công nghệ ô tô; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện tử; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện công nghiệp.

- Năm 2018: Thi cấp Thành phố gồm: 11 giải: 02 giải **Nhất** nghề Cơ điện tử; 04 giải **Nhất** nghề Thiết kế thời trang; 01 giải **Ba** nghề Điện lạnh; 02 giải **Khuyến khích** nghề Cơ điện tử; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện tử; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện lạnh.

- Năm 2019: Thi cấp Thành phố gồm: 07 giải: 01 giải **Nhất** nghề Đồ họa; 01 giải **Ba** nghề Thiết kế thời trang (04 học sinh/đội); 01 giải **Ba** nghề Cơ điện tử (02 học sinh/đội); 01 giải **Khuyến khích** nghề Đồ họa; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điều khiển tự động (02 học sinh/đội); 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện lạnh; 01 giải **Khuyến khích** nghề Điện lạnh.

- Năm 2022: Hội thi Học sinh, sinh viên giỏi nghề năm 2022: 01 Giải **Nhất** nghề Thiết kế Đồ họa; 02 Giải **Nhì** nghề Điều khiển tự động (tự động hóa); 01 Giải **Nhì** nghề Điện lạnh; 02 Giải **Khuyến khích** nghề Cơ điện tử; 01 Giải **Khuyến khích** nghề Thiết kế Đồ họa.

2.2.3. Thành tích chung của Trường

- Năm học 1999 - 2000: Tập thể Lao động giỏi cấp ngành

- Năm học 2000 - 2001: Tập thể Lao động Tiên tiến

- Năm 1999 và 2001: Bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh

- Năm học 2002 - 2003: Tập thể Lao động Tiên tiến; Bằng khen của Sở LĐ-TB&XH TP. Hồ Chí Minh

- Năm học 2003 - 2004: Tập thể Lao động Xuất sắc; Bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Năm học 2004 - 2005: Tập thể Lao động Xuất sắc

- Năm học 2005-2006: Tập thể Lao động Tiên tiến; Bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh

- Năm học 2006-2007: Tập thể Lao động Tiên tiến

- Năm học 2007-2008: Tập thể Lao động Tiên tiến

- Năm học 2008-2009: Tập thể Lao động Tiên tiến

- Năm học 2009-2010: Tập thể Lao động Xuất sắc



- Năm học 2010-2011: Tập thể Lao động Xuất sắc
- Năm học 2011 - 2012: Tập thể Lao động Xuất sắc; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm học 2012 - 2013: Tập thể Lao động Xuất sắc; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm học 2013 - 2014: Tập thể Lao động Xuất sắc; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm học 2014 - 2015: Tập thể Lao động Xuất sắc; Cờ Truyền thống nhân kỷ niệm 15 năm thành lập Trường; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Năm học 2015 - 2016: Tập thể Lao động Xuất sắc; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm học 2016 - 2017: Tập thể Lao động Xuất sắc; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm học 2017 - 2018: Tập thể Lao động Xuất sắc. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm học 2018 - 2019: Tập thể Lao động Xuất sắc; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm học 2019 - 2020: Tập thể Lao động Xuất sắc; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm học 2020 - 2021: Tập thể Lao động Xuất sắc. Huân chương Lao động hạng Ba.
- Năm học 2021 - 2022: Tập thể Lao động Xuất sắc

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA CƠ KHÍ

1. Thông tin khái quát

- Tên khoa: **KHOA CƠ KHÍ**
- Tên tiếng Anh: **FACULTY OF ENGINEERING**
- Địa chỉ đơn vị: 500-502 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (+84) 028.38 730 194 - (+84) 028.37 731 184
- Website: cokhi.nhct.edu.vn
- Năm thành lập đơn vị: 2001

2. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật:

*** Lịch sử phát triển**

- Khoa được thành lập từ tháng 9 năm 1998 (Ban Cơ khí) đến năm 2001 thành lập khoa Cơ khí, hiện có 04 ngành:

- + Ngành Cơ khí động lực;
- + Ngành Cơ khí chế tạo;
- + Ngành Công nghệ ô tô
- + Ngành Bảo trì và sửa chữa máy xây dựng và máy nâng chuyên.

*** Thành tích nổi bật của khoa:**

- Cùng với sự phát triển của các ngành kỹ thuật được đào tạo tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo ngành cơ khí chế tạo được phát triển cùng với đội ngũ giáo viên có tay nghề cao. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học đã có thể tìm được một vị trí việc tại các công ty, xí nghiệp.

- Trong năm học 2020-2021, 2021-2022 khoa đều có giáo viên tham gia hội thi thiết bị dạy nghề tự làm”, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, tham gia Hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường. Đồng thời khoa có học sinh tham gia các kỳ thi HS-SV giỏi nghề cấp thành phố. Tất cả đều đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, HS-SV giỏi nghề.

- Năm học 2018 - 2019: Tập thể Lao động Xuất sắc

- Năm học 2019 - 2020: Tập thể Lao động Xuất sắc

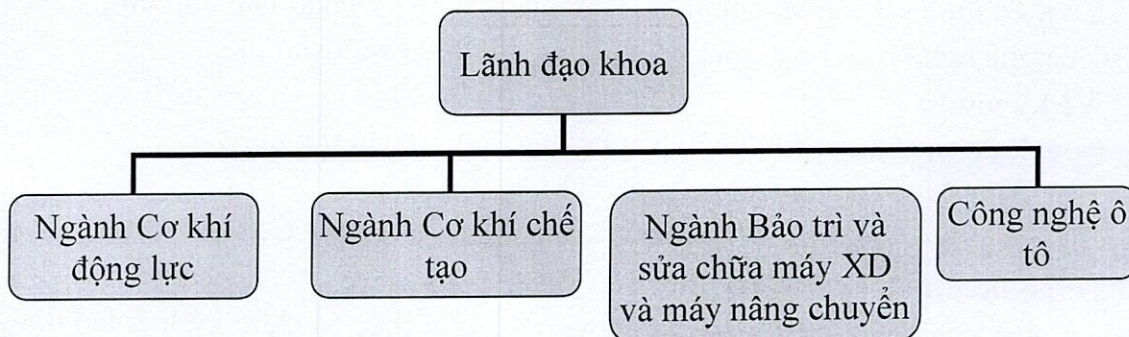
- Năm học 2020 - 2021: Tập thể Lao động Xuất sắc

- Năm học 2021 - 2022: Tập thể Lao động Xuất sắc

- **Hợp tác doanh nghiệp:** khoa đã ký kết với 20 doanh nghiệp trong việc thực hiện đưa giáo viên và học sinh thực hiện Học kỳ doanh nghiệp và thực tập tốt nghiệp.

3. Cơ cấu tổ chức

Tổng số giáo viên trong khoa gồm: 9 giáo viên (06 thạc sỹ, 03 kỹ sư), thâm niên giảng dạy trung bình 10 năm



4. Các nghề đào tạo

STT	CÁC NGHỀ	GHI CHÚ
1	Ngành Cơ khí động lực	Trung cấp
2	Ngành Cơ khí chế tạo	
3	Ngành Bảo trì và sửa chữa máy xây dựng và máy nâng chuyên	
4	Ngành Công nghệ ô tô	
5	Đào tạo ngắn hạn	Dưới 3 tháng

5. Thông tin về Chương trình đào tạo:

(Ban hành theo Quyết định số 237/QĐ-TCKTKTNHC-ĐT ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Trường Trung cấp Kinh tế- Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh)

Tên ngành, nghề: **Cơ khí chế tạo**

Mã ngành, nghề: **5520117**

Trình độ đào tạo: **Trung cấp**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp từ THCS trở lên**

Thời gian đào tạo: **2 năm**

5.1. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung: Sau khi tốt nghiệp, người học trở thành kỹ thuật viên trung cấp về cơ khí chế tạo, có khả năng vận hành được các máy cơ khí (máy tiện, máy phay, máy mài, máy khoan, máy phay CNC, máy tiện CNC, trung tâm gia công CNC); gia công được các chi tiết trên máy gia công cơ khí, CNC; làm việc tại các cơ sở sản xuất chế tạo, kinh doanh thuộc lĩnh vực cơ khí.

b. Mục tiêu cụ thể:

*** Về kiến thức:**

- Có kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi của Ngành Cơ khí chế tạo.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

*** Về kỹ năng:**

- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công các chi tiết máy.

- Vận hành được các máy gia công cơ khí, máy CNC.

- Gia công được các chi tiết trên máy gia công cơ khí, máy CNC.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, có tác phong lao động công nghiệp và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

- Có khả năng tổ chức, bố trí nơi làm việc khoa học, đảm bảo an toàn vệ sinh công nghiệp.

c. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Có việc làm đúng chuyên ngành tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cơ khí chế tạo.

- Tham gia làm việc ở các vị trí: Kỹ thuật viên vận hành, gia công các chi tiết trên máy gia công cơ khí, máy CNC.

- Chuyên viên tư vấn tại các doanh nghiệp sản xuất hoặc cung cấp các thiết bị thuộc lĩnh vực cơ khí.

5.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 21

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 57 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.170 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 360 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.020 giờ

5.3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thời gian học tập (giờ) Trong đó	
					Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - AN	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	45	1.170	266	872	32
II.1	Môn học cơ sở	11	255	75	170	10
MH07	Vẽ kỹ thuật	3	75	15	58	2
MH08	Autocad 2D	2	45	15	28	2
MH09	Vật liệu cơ khí	2	45	15	28	2
MH10	Dung sai-kỹ thuật đo	2	45	15	28	2
MH11	Cơ sở cắt gọt kim loại	2	45	15	28	2
II.2	Môn học chuyên môn	32	885	165	700	20
MH12	Tiện 1	5	120	30	87	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thời gian học tập (giờ) Trong đó	
					Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
MH13	Phay -bào	4	105	15	88	2
MH14	Nguội-hàn	3	75	15	58	2
MH15	Tiện 2	4	105	15	87	3
MH16	Công nghệ CNC1	3	60	30	28	2
MH17	Công nghệ CNC 2	3	60	30	28	2
MH18	Công nghệ chế tạo máy	2	45	15	28	2
MH19	Tiện 3	2	45	15	28	2
MH20	Thực tập sản xuất	6	270	0	268	2
II.3	Môn học tự chọn	2	30	26	2	2
MH21	Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả trong ngành cơ khí chế tạo	2	30	26	2	2
MH22	Kỹ thuật bảo trì máy công cụ	2	30	26	2	2
Tổng cộng		57	1.425	360	1.020	45

5.4. Chương trình đào tạo ngành Cơ khí chế tạo

a. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: Sau khi tốt nghiệp, người học trở thành kỹ thuật viên trung cấp về Cơ khí chế tạo, có khả năng vận hành được các máy cơ khí (máy tiện, máy phay, máy mài, máy khoan, máy phay CNC, máy tiện CNC, trung tâm gia công CNC); gia công được các chi tiết trên máy gia công cơ khí, CNC; làm việc tại các cơ sở sản xuất chế tạo, kinh doanh thuộc lĩnh vực cơ khí.

b. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Có kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi của Ngành Cơ khí chế tạo.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

* Về kỹ năng:

- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công các chi tiết máy.
- Vận hành được các máy gia công cơ khí, máy CNC.
- Gia công được các chi tiết trên máy gia công cơ khí, máy CNC.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, có tác phong lao động công nghiệp và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.
- Có khả năng tổ chức, bố trí nơi làm việc khoa học, đảm bảo an toàn vệ sinh công nghiệp.

b. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Có việc làm đúng chuyên ngành tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cơ khí chế tạo.
- Tham gia làm việc ở các vị trí: Kỹ thuật viên vận hành, gia công các chi tiết trên máy gia công cơ khí, máy CNC.

c. Phương thức đào tạo

- Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với ngành Cơ khí chế tạo là phương thức đào tạo tập trung, học theo niên chế, Tín chỉ.

- Phương thức đào tạo ngành của trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học.

- Chương trình đào tạo ngành Cơ khí chế tạo đào tạo như sau: 02 năm: Đối với học sinh tốt nghiệp từ THCS trở lên, tuyển sinh từ năm 2018 và các khoá tiếp theo.

- Một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Đối với học sinh phải hoàn thành nội dung môn học/học phần đã được ấn định theo học kỳ, năm học; Học sinh chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện để đạt kết quả tốt. Trong hương trình đào tạo ngành cơ khí chế tạo với thời gian học thực hành chiếm 50%-70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để học sinh thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giáo viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho học sinh học theo nhóm, làm bài tập lớn, thuyết trình; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông từ trình độ trung cấp lên bậc cao hơn với các ngành tương ứng.

d. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo của ngành Cơ khí chế tạo được thể hiện như sau: Hệ 02 năm đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2018 được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTB&XH, đã được Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo Quyết định số 249/QĐ – TCKTKT.NHC – ĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh.

❖ Chương trình đào tạo ngành Cơ khí chế tạo từ năm 2020



Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thời gian học tập (giờ) Trong đó	
					Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - AN	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	45	1.170	266	872	32
II.1	Môn học cơ sở	11	255	75	170	10
MH07	Vẽ kỹ thuật	3	75	15	58	2
MH08	Autocad 2D	2	45	15	28	2
MH09	Vật liệu cơ khí	2	45	15	28	2
MH10	Dụng sai-kỹ thuật đo	2	45	15	28	2
MH11	Cơ sở cắt gọt kim loại	2	45	15	28	2
II.2	Môn học chuyên môn	32	885	165	700	20
MH12	Tiện 1	5	120	30	87	3
MH13	Phay -bào	4	105	15	88	2
MH14	Nguội-hàn	3	75	15	58	2
MH15	Tiện 2	4	105	15	87	3
MH16	Công nghệ CNC1	3	60	30	28	2
MH17	Công nghệ CNC 2	3	60	30	28	2
MH18	Công nghệ chế tạo máy	2	45	15	28	2
MH19	Tiện 3	2	45	15	28	2
MH20	Thực tập sản xuất	6	270	0	268	2
II.3	Môn học tự chọn	2	30	26	2	2
MH21	Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu	2	30	26	2	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thời gian học tập (giờ) Trong đó	
					Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	quả trong ngành cơ khí chế tạo					
MH22	Kỹ thuật bảo trì máy công cụ	2	30	26	2	2
Tổng cộng		57	1.425	360	1.020	45

e. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

Stt	Năm học	Số lượng tuyển sinh		Số lượng tốt nghiệp	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế			
1	2019 - 2020	80	70	48	100%	
2	2020 - 2021	50	44			
3	2021- 2022	35	29			

f. Đội ngũ giáo viên tham gia chương trình đào tạo

- Tổng số: 9 trong đó:
- + Giáo viên cơ hữu: 9 (Nam: 07; Nữ: 02)
- + Thỉnh giảng:
- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ			
Thạc sĩ	04	01	
Đại học	03	01	
Tổng số	07	02	09

g. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Stt	Phòng xưởng chuyên môn	ĐVT: m ²	SL	Ghi chú
1	Văn phòng khoa	48	01	
2	Phòng học lý thuyết	162	3	Tuỳ từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu
3	Phòng TH Tiếng Anh	48	1	

Stt	Phòng xưởng chuyên môn	ĐVT: m ²	SL	Ghi chú
4	Kho vật tư	56,70	1	
5	Xưởng máy công cụ	355	1	
6	Phòng thực hành CAD/CAM	48	1	
7	Phòng thực hành CNC	48	1	
8	Phòng thực hành Hàn	64	1	
9	Phòng thực hành Nguội	64	1	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Căn cứ quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ -TCKTKTNHC ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Cơ khí chế tạo năm 2020.

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-TCKTKTNHC-TTBĐCL ngày 14/09/2020 của Hiệu trưởng Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh về thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Cơ khí chế tạo.

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ giáo viên và học sinh của Trường về vai trò quan trọng của công tác tự kiểm định, tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề Cơ khí chế tạo theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn do Nhà nước ban hành.

- Thu thập và xử lý các minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nghề Cơ khí chế tạo dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của hệ thống tiêu

chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường Trung cấp.

- Phát hiện những điểm mạnh, những điểm cần cải thiện trong thời gian tới, và qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh, đạt tiêu chuẩn đối với Trường nghề chất lượng cao và nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khẳng định uy tín và thương hiệu của mình.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo tại tất cả phân hiệu, chi nhánh.

- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Tổ chức nghiên cứu, thu thập, biên dịch (nếu có), tổng hợp, xử lý tài liệu trong, ngoài nước (nếu có) về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Tổ chức khảo sát, lấy phiếu điều tra, phân tích, xử lý, tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, doanh nghiệp, hội nghề nghiệp, học sinh, người lao động phục vụ xây dựng hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Viết chuyên đề nghiên cứu theo từng tiêu chí tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Biên tập hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành

- Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường

- Hoạt động chuẩn bị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

TR
NH
NGUY
05

- Chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị trong trường.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị trong trường.
- Khoa có chương trình đào tạo được đánh giá lập báo cáo tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường.
- Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường thẩm định, phê duyệt Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt chuẩn
	Tổng điểm	100	100
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 1: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	24
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, học sinh; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ,	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	chính sách và các dịch vụ đối với người học.		
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Trong năm học 2020-2021, 2021-2022, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Việc tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là quá trình xem xét và đánh giá dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và cũng là nhiệm vụ thường xuyên. Qua việc tự kiểm định chương trình đào tạo, khoa nhận thấy Khoa đáp ứng đầy đủ quy mô của một nghề trọng điểm quốc tế.

2. KIẾN NGHỊ: không

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
PHÒNG HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG CẤP
KINH TẾ - KỸ THUẬT
NGUYỄN HỮU CẢNH

Trần Quốc Hải

Trần Quốc Hải

